TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2026/DS-ST
Ngày: 11-3-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng;

2. Ông Lâm Thành Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 201/2025/TLST - DS ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2026/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 01 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 66/2026/QĐST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn:

Ngân hàng Thương mại cổ phần K; địa chỉ trụ sở chính: Số D - 42 - 44, P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường R, tỉnh An Giang).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hồng M - Chức vụ: Quyền Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1969 - Chức vụ: Cộng tác viên tín dụng - Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh B. Địa chỉ liên hệ: số E, Đại lộ Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long).

- Bị đơn:

1. Bà Phan Thị Ngọc D, sinh năm 1988;

Căn cước công dân số 083188013199 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/8/2021.

Nơi cư trú: Số H, ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long).

2. Ông Võ Văn T, sinh năm 1978;

Căn cước công dân số 083078012545 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/8/2021.

Nơi cư trú: Số H, ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long).

(Ông H có mặt, bà D, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

Vào năm 2023, Ngân hàng Thương mại cổ phần K Chi nhánh B (gọi tắt: Ngân hàng) có cho vợ chồng bà Phan Thị Ngọc D và ông Võ Văn T vay số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng). Ngân hàng và bà D, ông T có ký đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố kiêm khế ước nhận nợ ngày 12/6/2023, nội dung thể hiện bà D và ông T có vay của Ngân hàng số tiền 25.000.000 đồng; phương thức giải ngân: nhận tiền mặt toàn bộ số tiền giải ngân, thời hạn vay 180 ngày, mục đích vay: kinh doanh mua bán nhỏ, lãi suất trong hạn 17%/năm. Hình thức thanh toán: trả gốc và lãi hàng ngày kể từ ngày 12/6/2023 cho đến ngày 11/12/2023. Số tiền gốc và lãi phải nộp hằng ngày là 150.524 đồng, số tiền nộp ngày cuối là 152.124 đồng. Tài sản cầm cố là xe Honda Airblade, biển kiểm soát 71B4-153.66, số khung 6321KZ234830, số máy JF63E2684979 do Phan Thị Ngọc D đứng tên chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 12/6/2023 đến hết ngày 13/7/2023, bà D và ông T đã thanh toán đúng hạn gốc và lãi cho ngân hàng nhưng từ ngày 14/7/2023 thì bà D và ông T không trả tiền cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận của hợp đồng, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà D và ông T thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng bà D và ông T vẫn không thực hiện là đã vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng giữa các bên đã ký kết.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP K yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Phan Thị Ngọc D và ông Võ Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K tổng cộng số tiền còn nợ tính đến ngày 30/3/2025 là 31.057.650đ (ba mươi mốt triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, sáu trăm năm mươi đồng), trong đó tiền vốn là 20.972.480 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.746.575 đồng, lãi chậm trả là 265.423 đồng, lãi quá hạn là 8.073.172 đồng.

Trường hợp bà Phan Thị Ngọc D và ông Võ Văn T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi, kê biên tài sản cầm cố là xe Honda Airblade, biển kiểm soát 71B4-153.66 theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố kiêm khế ước nhận nợ ngày 12/6/2023 để thanh toán hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà D và ông T trả lãi chậm trả là 265.423 đồng và yêu cầu xử lý tài sản cầm cố theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố kiêm khế ước nhận nợ ngày 12/6/2023 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần K với bà Phan Thị Ngọc D và ông Võ Văn T, tài sản cầm cố cụ thể là: xe Honda Airblade, biển kiểm soát 71B4-153.66.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Thị Ngọc D và ông Võ Văn T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Phan Thị Ngọc D và ông Võ Văn T có nơi cư trú tại số H, ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 (Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp

người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án của Quốc hội).

[3] Về thủ tục tố tụng:

[3.1] Bị đơn bà Phan Thị Ngọc D và ông Võ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng bà D và ông T không có mặt, vụ án không tiến hành mở phiên hòa giải được và tại phiên tòa bà D và ông T vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông T là phù hợp.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà D và ông T trả lãi chậm trả là 265.423 đồng và yêu cầu xử lý tài sản cầm cố theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố kiêm khế ước nhận nợ ngày 12/6/2023 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần K với bà Phan Thị Ngọc D và ông Võ Văn T, tài sản cầm cố cụ thể là: xe Honda Airblade, biển kiểm soát 71B4-153.66. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 217 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[4] Về nội dung:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K yêu cầu bà Phan Thị Ngọc D và ông Võ Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K tổng cộng số tiền còn nợ tính đến ngày 30/3/2025 là 30.792.227đ (ba mươi triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi bảy đồng), trong đó tiền vốn là 20.972.480 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.746.575 đồng, lãi quá hạn là 8.073.172 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Ngân hàng Thương mại cổ phần K với bà Phan Thị Ngọc D và ông Võ Văn T có ký đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố kiêm khế ước nhận nợ ngày 12/6/2023, có nội dung thể hiện bà D và ông T có vay của Ngân hàng số tiền 25.000.000 đồng; phương thức giải ngân: nhận tiền mặt toàn bộ số tiền giải ngân, thời hạn vay 180 ngày, mục đích vay: kinh doanh mua bán nhỏ, lãi suất trong hạn 17%/năm. Xét thấy hai bên đã lập hợp đồng vay về hình thức và nội dung đúng theo quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý, ràng buộc quyền và nghĩa vụ đối với hai bên. Khi ký hợp đồng vay thì giữa hai bên có thỏa

thuận lãi suất, các loại phí phạt theo quy định của Ngân hàng. Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà D, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bà D, ông T thông báo về việc thụ lý vụ án; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ cho bà D, ông T thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, trong đó có thể hiện giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố kiêm khế ước nhận nợ ngày 12/6/2023, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà D, ông T không có gửi đến Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng cũng như việc bà D, ông T có hay không có vay tiền của Ngân hàng. Như vậy, bà D, ông T đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 72 và Điều 199 của Bộ luật Tố tụng dân sự; trong khi chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện rõ nội dung bà D, ông T có vay của Ngân hàng số tiền 25.000.000 đồng vào ngày 12/6/2023 và nay bà D, ông T còn nợ tiền của Ngân hàng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, buộc bị đơn bà D, ông T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 30/3/2025 là 30.792.227 đồng, trong đó tiền vốn là 20.972.480 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.746.575 đồng, lãi quá hạn là 8.073.172 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Phan Thị Ngọc D và ông Võ Văn T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.540.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 207, 208, 217, 227, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 (Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án của Quốc hội);

Căn cứ các điều 119, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K về việc yêu cầu bà Phan Thị Ngọc D và ông Võ Văn T trả lãi chậm trả là 265.423 đồng và yêu cầu xử lý tài sản cầm cố theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố kiêm khế ước nhận nợ ngày 12/6/2023 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần K với bà Phan Thị Ngọc D và ông Võ Văn T, tài sản cầm cố cụ thể là: xe Honda Airblade, biển kiểm soát 71B4-153.66.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K đối với bị đơn bà Phan Thị Ngọc D và ông Võ Văn T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, cụ thể:

Buộc bà Phan Thị Ngọc D và ông Võ Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K tổng cộng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 30/3/2025 là 30.792.227đ (ba mươi triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi bảy đồng), trong đó tiền vốn là 20.972.480 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.746.575 đồng, lãi quá hạn là 8.073.172 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố kiêm khế ước nhận nợ ngày 12/6/2023 giữa Ngân hàng với bà D, ông T.

3. Về án phí:

Bà Phan Thị Ngọc D và ông Võ Văn T phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.540.000đ (một triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K 776.000đ (bảy trăm, bảy mươi sáu nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005994 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm My